

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****Bản án số: 593/2020/HS-PT****Ngày: 20-8-2020****NHÂN DANH****NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nam Hà.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Bích Ngân và ông Nguyễn Đình Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Tuấn Dũng - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Liễu - Kiểm sát viên.

Ngày 20/8/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 518/2020/TLPT-HS ngày 14/7/2020 theo Quyết định đưa vụ án hình sự ra xét xử phúc thẩm số 512/2020/QĐXXPT-HS ngày 07/8/2020 đối với bị cáo Lê Tuấn Đ có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 89/2020/HS-ST ngày 04/6/2020 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội.

Bị cáo có kháng cáo: **LÊ TUẤN Đ**, sinh năm 1987; ĐKNKTT và trú tại: Lô số 595 khu đất dịch vụ khu C, thuộc tổ 07 phường NY, quận H, thành phố Hà Nội; *nghề nghiệp:* Lao động tự do; *trình độ học vấn:* 12/12; *quốc tịch:* Việt Nam; *dân tộc:* Kinh; *tôn giáo:* Không; con ông Lê Văn M và bà Lê Thị Kim V; có vợ là Nguyễn Thị Th và 03 con; *tiền án, tiền sự:* Chưa; bị cáo đầu thú và bị tạm giữ từ ngày 11/02/2020 đến ngày 17/02/2020 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

Ngoài ra trong vụ án còn có bị cáo Nguyễn Thị Th không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

Bị hại không có kháng cáo: Chị Mai Thị Thu H, sinh năm 1976; ĐKNKTT và trú tại: Số 30, ngách 98, ngõ Q, phố TĐ, phường HB, quận Đ, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Chị Mai Thị Thu H nợ vợ chồng Lê Tuấn Đ và Nguyễn Thị Th 44.800.000 đồng tiền vay và tiền hàng quần áo. Do đòi nhiều lần không được

nên trưa ngày 10/02/2020, vợ chồng Lê Tuấn Đ gọi điện yêu cầu chị Thu H thanh toán tiền nợ nhưng chị Thu H nói chưa bán được hàng nên chưa có tiền trả. Thấy vậy, vợ chồng Lê Tuấn Đ bảo chị Thu H mang số quần áo trả lại để vợ chồng Lê Tuấn Đ bán; chị H đồng ý. Khoảng 17 giờ cùng ngày chị Thu H thuê xe ôm chở số quần áo chưa bán được đến trả cho vợ chồng Đ. Do chưa thấy chị H đến nên vợ chồng Đ tiếp tục gọi điện yêu cầu chị Thu H phải xuống giao hàng trực tiếp cho vợ chồng Đ. Khoảng 30 phút sau, chị H điều khiển xe mô tô Yamaha Nouvo, biển kiểm soát 29-T8-8288 đến nhà Đ tại lô 595, đất dịch vụ khu C thuộc tổ 07, phường NY, quận H. Đến nơi, chị H dựng xe dưới đường trước cửa, khóa cổ xe rồi đi vào nhà Đ. Tại tầng một, chị Thu H và Nguyễn Thị Th cùng kiểm đếm số quần áo và chốt lại số tiền còn nợ. Khi kiểm đếm xong, vợ chồng Đ yêu cầu chị Thu H thanh toán tiền vay và tiền hàng còn lại. Do không có tiền nên chị Thu H khất nợ nhưng vợ chồng Đ không đồng ý. Chị Thu H đứng dậy đi về thì vợ chồng Đ, Th không cho về; Th bảo chị Thu H khi nào giải quyết xong việc thì mới được về. Sau đó, Th bảo Đ khóa xe mô tô và khóa cửa nhà lại không cho chị Thu H về. Đ đồng ý và yêu cầu chị H đưa chìa khóa xe mô tô, Đ ra dắt xe của chị H lên vỉa hè trước cửa nhà rồi dùng khóa dây khóa bánh xe lại sau đó đi vào nhà khóa cửa kính, hạ cửa cuốn xuống cách đất khoảng 01m. Khóa cửa xong, Đ trả lại chìa khóa cho chị Thu H rồi đi làm việc riêng. Thấy vợ chồng Đ khóa cửa không cho về, chị H gọi điện cho chồng là anh Nguyễn Tuấn A và con trai Nguyễn Tuấn V nói bị vợ chồng Đ giữ không cho về rồi bật loa ngoài cho Đ nói chuyện; Đ yêu cầu anh Tuấn A và cháu V đến giải quyết nhưng cả hai không đến. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, sau khi nhận được trình báo của anh Nguyễn Tuấn Vũ, Công an phường NY phối hợp với Công an quận H đã đến nhà Đ lập biên bản và mời tất cả về trụ sở để làm việc.

Bản án hình sự sơ thẩm số 89/2020/HS-ST ngày 04/6/2020 của Tòa án nhân dân quận H đã áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Lê Tuấn Đ và Nguyễn Thị Th, mỗi bị cáo 06 tháng tù; cho bị cáo Nguyễn Thị Th được hưởng án treo đều về tội “*Giữ người trái pháp luật*”; quyết định xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 12/6/2020, bị cáo Lê Tuấn Đ kháng cáo đề nghị được hưởng án treo.

Tại phiên tòa: Bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo . Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội sau khi đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ các Điều 331; 332; 333 và 334; điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng Hình sự: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo về hình

thức; không chấp nhận kháng cáo về nội dung, giữ nguyên bản án sơ thẩm, cụ thể: Áp dụng khoản 1 Điều 157; Điều 38; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Lê Tuấn Đ 06 tháng tù về tội “*Giữ người trái pháp luật*”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm vụ án này, các cơ quan và người tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về thẩm quyền, trình tự, thủ tục; không ai có ý kiến thắc mắc, khiếu nại gì. Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn luật định bị cáo Lê Tuấn Đ có kháng cáo là hợp lệ, được chấp nhận.

[2] *Về nội dung*: Trong khoảng thời gian từ 17 giờ đến 22 giờ ngày 10/02/2020, xuất phát từ việc chị Mai Thị Thu H không trả được tiền nợ, Lê Tuấn Đ và Nguyễn Thị Th đã có hành vi khóa chiếc xe mô tô Yamaha Nouvo, biển kiểm soát 29-T8-8288 để trước cửa nhà và khóa cửa giữ chị Mai Thị Thu H tại nhà của vợ chồng Lê Tuấn Đ và Nguyễn Thị Th ở lô số 595, đất dịch vụ khu C, thuộc tổ 07, phường NY, quận H nhằm mục đích để chị Thu H giải quyết xong việc nợ nần thì mới cho về. Hành vi nêu trên của bị cáo bị Tòa án cấp sơ thẩm kết án về đồng phạm tội “*Giữ người trái pháp luật*” theo quy định tại khoản 1 điều 157 của Bộ luật Hình sự là đúng.

[3] *Xét kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy*: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền tự do của người khác; gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội tại địa phương. Hành vi của vợ chồng bị cáo Lê Tuấn Đ xuất phát từ việc chị Thu H không trả tiền vay và tiền hàng; tính chất mức độ hành vi hạn chế; bị cáo là đồng phạm có mức độ; hành vi không gây ra hậu quả; đã ra đầu thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; vợ chồng bị cáo đang nuôi 03 con nhỏ; bị cáo có địa chỉ cư trú rõ ràng và việc không buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù cũng không gây nguy hại cho xã hội; đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét và trên cơ sở đó áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự để chấp nhận kháng cáo, miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện cho bị cáo là thỏa đáng.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật.

[4] *Về án phí phúc thẩm*: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Tuấn Đ, sửa bản án sơ thẩm, cụ thể:

1.1) Áp dụng khoản 1 Điều 157; Điều 17; Điều 38; các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Lê Tuấn Đ **06 (Sáu)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách **12 (Mười hai)** tháng tính từ ngày 20/8/2020.

Giao bị cáo Lê Tuấn Đ cho Ủy ban nhân dân phường NY, quận H, thành phố Hà Nội để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, Lê Tuấn Đ cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này.

1.2) Bị cáo Lê Tuấn Đ không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị Th; về xử lý vật chứng và án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- TT Lý lịch tư pháp QG - Bộ Tư pháp;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Công an thành phố Hà Nội;
- Sở Tư pháp thành phố Hà Nội;
- TAND quận H;
- VKSND quận H;
- Công an quận H;
- THADS quận H;
- UBND phường NY, quận H;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Nam Hà